

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NÔNG CỐNG
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2020/DS-ST

Ngày: 09-7-2020

V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NÔNG CỐNG, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Kỳ Anh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Minh Trí

2. Bà Lê Thị Dệt

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Hà - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa.

Ngày 09/7/2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nông Cống xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 36/2020/TLST-DS ngày 23 tháng 12 năm 2019 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2020/QĐXXST-DS ngày 22/6/2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Lê Đình Đ, sinh năm 1959

Địa chỉ: Thôn TK, xã TT, huyện NC, Thanh Hóa

- Bị đơn: Chị Lê Thị H, sinh năm 1975

Địa chỉ: Thôn TT, xã TT, huyện NC, Thanh Hóa

Tại phiên tòa có mặt ông Đ và chị H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 19/9/2019 và bản tự khai ngày 06/01/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Lê Đình Đ trình bày:

Vào tháng 11/2015 chị Lê Thị H vay của ông số tiền 42.000.000đ, thời gian vay là 2 tháng. Đến hạn trả chị H không thanh toán nên đến ngày 01/3/2016 hai bên viết lại giấy khác, thời hạn vay là 1 năm, không ghi lãi. Từ khi vay đến nay chị H mới trả lãi cho ông tổng số tiền lãi là 4.270.000đ. Đến ngày 25/4/2019

chị H đưa cho ông 1 thẻ rút tiền để hàng tháng ông rút tiền do chị H trả. Khi ông cầm thẻ rút tiền thì thẻ không có tiền trong tài khoản. Ông đã đòi nhiều lần nhưng chị H thường xuyên tránh mặt, không trả nợ. Nay ông yêu cầu chị H trả số tiền gốc là 42.000.000đ. Tiền lãi từ ngày 03/6/2016 đến ngày 08/6/2020 là 46 tháng, lãi suất 1%/tháng x 42.000.000đ x 46 tháng = 19.320.000đ. Tổng cộng: 61.320.000đ.

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông Lê Đình Đ vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết buộc chị Lê Thị H phải trả cho ông số tiền gốc là 42.000.000đ, tiền lãi: Từ ngày 29/4/2018 đến ngày 08/7/2020 là 26 tháng cùng với 20 tháng lãi đã chốt tại giấy vay nợ, tổng cộng là 46 tháng lãi, lãi suất 1%/tháng x 42.000.000đ x 46 tháng = 19.320.000đ. Tổng cộng: 61.320.000đ.

- *Tại bản tự khai đề ngày 10/01/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chị Lê Thị H trình bày:* Chị thừa nhận vay của ông Lê Đình Đ 3 lần, tổng số tiền vay là 42.000.000đ, lãi suất 2%/tháng. Từ khi vay đến nay chị chưa trả được gốc, mới trả lãi cho ông Đ, số tiền trả lãi chị không nhớ, mỗi lần trả lãi ông Đ đều ghi vào sổ. Do 2 năm gần đây điều kiện kinh tế gia đình khó khăn nên chị không trả lãi hàng tháng cho ông Đ được. Nay ông Đ yêu cầu chị trả tổng số tiền gốc và lãi 1%/tháng thì chị cũng đồng ý. Nhưng do kinh tế khó khăn nên chị đề nghị cho ông Đ cho chị được trả nợ dần.

Tại phiên tòa, chị Lê Thị H đồng ý trả số nợ trên cho ông Đ nhưng do kinh tế khó khăn nên chị đề nghị ông Đ cho chị được trả nợ dần.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Lê Thị H vay của ông Lê Đình Đ theo giấy vay tiền đề ngày 01/3/2016 số tiền vay là 42.000.000đ, thời hạn vay là 1 năm, không ghi lãi suất. Từ khi vay đến nay chị H chưa trả cho ông Đ tiền gốc đồng nào, mới trả lãi tổng số tiền lãi là 4.270.000đ. Ông đã đòi nhiều lần nhưng chị H thường xuyên tránh mặt, không trả nợ. Đến ngày 19/9/2019 ông Đ khởi kiện vụ án tại Tòa án nhân dân huyện Nông Cống. Vì vậy, xác định đây là quan hệ tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quy định tại Điều 184 Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 429 và 463 Bộ luật Dân sự.

Bị đơn chị Lê Thị H là có hộ khẩu thường trú tại thôn TT, xã TT, huyện NC, tỉnh Thanh Hóa. Vì vậy, tranh chấp giữa ông Lê Đình Đ và chị Lê Thị H thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Nông Cống theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Ngày 29/4/2018 Chị Lê Thị H có viết giấy nhận nợ của ông Lê Đình Đ số tiền gốc là 42.000.000đ và 20 tháng lãi. Sau khi viết giấy, chị H không tiếp tục trả gốc và lãi cho ông Đ và ông Đ đã đến đòi nợ nhiều lần nhưng không được, vì vậy ông Lê Đình Đ đã làm đơn khởi kiện chị Lê Thị H yêu cầu trả số tiền gốc là 42.000.000đ và số tiền lãi còn nợ của ông.

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông Lê Đình Đ vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án buộc chị Lê Thị H phải trả cho ông số tiền cụ thể như sau:

Tiền gốc là 42.000.000đ.

Tiền lãi: Từ 29/4/2018 đến ngày 08/7/2020 là 26 tháng cùng với 20 tháng lãi đã chốt tại giấy vay nợ, tổng cộng là 46 tháng lãi, lãi suất 1%/tháng x 42.000.000đ x 46 tháng = 19.320.000đ. Tổng cộng: 61.320.000đ.

Chị Lê Thị H đồng ý trả số nợ trên cho ông Đ nhưng do kinh tế khó khăn nên chị đề nghị ông Đ cho chị được trả nợ dần.

* Xét đề nghị của ông Lê Đình Đ yêu cầu chị Lê Thị H phải trả cho ông tổng số tiền gốc và lãi là 61.740.000đ thấy rằng: Chị Lê Thị H vay của ông Lê Đình Đ theo giấy vay tiền đề ngày 01/3/2016 số tiền vay là 42.000.000đ, thời hạn vay là 1 năm, không ghi lãi suất. Từ khi vay đến nay chị H chưa trả cho ông Đ tiền gốc đồng nào, mới trả lãi tổng số tiền lãi là 4.270.000đ. Nay ông Đ yêu cầu chị H trả tổng số tiền gốc và lãi 1%/tháng thì chị H cũng đồng ý nhưng do kinh tế khó khăn nên chị đề nghị ông Đ cho chị được trả nợ dần. Vì vậy, có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Đình Đ về việc buộc chị Lê Thị H phải trả số tiền đã vay cho ông Đ là 42.000.000đ và lãi xuất 1%/Tháng trong thời gian 46 tháng với tổng số tiền gốc và lãi là 61.320.000đ (Sáu mươi một triệu ba trăm hai mươi nghìn đồng).

[3] Về án phí: Yêu cầu của ông Đ được chấp nhận nên buộc chị Lê Thị H phải chịu án phí DSST có giá ngạch, trả lại cho ông Lê Đình Đ số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 688; Điều 357 của Bộ luật Dân sự; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc chị Lê Thị H trú tại: Thôn TT, xã TT, huyện NC, tỉnh Thanh Hóa phải trả cho ông Lê Đình Đ, trú tại: thôn TK, xã TT, huyện NC, tỉnh Thanh Hóa tổng số tiền là 61.320.000đ (Sáu mươi một triệu ba trăm hai mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 468 Bộ luật dân sự 2015

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền tự nguyện thi hành án, thoả thuận thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự.

2. Về án phí:

- Chị Lê Thị H phải chịu 3.066.000đ (Ba triệu không trăm sáu mươi sáu nghìn đồng) án phí DSST.

- Trả lại cho ông Lê Đình Đ 1.440.000 (Một triệu bốn trăm bốn mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí ông Đ đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nông Cống theo biên lai thu số AA/2017/0002111 ngày 23/12/2019.

3. Quyền kháng cáo: Án xử công khai có mặt ông Đ và chị H. Ông Đ và chị H được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Nông Cống;
- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- Chi cục THADS huyện Nông Cống;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

Võ Kỳ Anh